



tāo fù

熬覆

verb · cover and protect

Example Sentence

Tā de dé xíng rú yáng guāng tāo fù dà dì
他的德行如阳光熬覆大地。

His virtue covers the earth like sunlight.

Trace each character, then write the word on your own.

熬	熬	熬	熬	熬	熬	熬	熬	熬	熬	熬
熬	熬	熬								
覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆
覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆	覆